

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **277/2021/HC-PT**

Ngày: 09-12-2021

V/v: “*Kiến quyết định giải quyết
kiếu nại trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Kiến quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Trần Thu H; Địa chỉ: Thôn H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Dương Ngọc T- Công ty Luật T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: Khu hành chính huyện B, thị trấn Hoàn Lão, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt (Văn bản số 2313/CT ngày 6/12/2021 do Chủ tịch UBND huyện B ký).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện Bồ Trạch: Bà Dương Thị Thu H – Trưởng Phòng Tư pháp huyện B, vắng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Trung H. Địa chỉ: Thôn H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng.

2. Chủ tịch UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông Nguyễn Văn S - Công chức ĐC-XD-ĐT & MT thị trấn P được Chủ tịch UBND thị trấn P ủy quyền tham gia tố tụng (Đơn xin xét xử vắng mặt, đề ngày 24/9/2021, do ông Nguyễn Văn S ký, có xác nhận của UBND thị trấn P).

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - bà Trần Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/04/2020, tại bản tự khai và tại các phiên đối thoại bà Trần Thu H trình bày:

Năm 1995, bà Trần Thu H có đất để kinh doanh ở chợ X. Năm 1999, xã S xây dựng, nâng cấp chợ nên chuyển mười hộ dân về chợ tạm C. Khi về đó, xã giao cho các hộ gia đình một lô đất để làm quán kinh doanh. Bà H đã nhận đất, làm quán và kinh doanh tại chợ C. Sau khi xây lại chợ, UBND xã không trả lại phần đất trong chợ cho bà H nên bà vẫn sử dụng đất ở chợ C để kinh doanh. Năm 2003, bà H có nhượng lại quán cho bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Trung H, nhưng không nhượng lại đất. Đất tại chợ tạm C vẫn thuộc quyền sử dụng của bà H. Năm 2013, huyện và xã tổ chức di dời mười hộ dân, trong đó có hộ gia đình bà di dời nơi khác để lấy đất làm khu tái định cư. Cả mười hộ dân đều được bồi thường tài sản trên đất và cấp đất tái định cư nơi khác. Riêng thửa đất của bà H đã có giấy mua bán tài sản trên đất cho bà T nên phần bồi thường về tài sản bà T được nhận, còn phần quyền sử dụng đất theo bà H thì vẫn thuộc quyền sử dụng của bà.

Năm 2013, để giải phóng mặt bằng khu vực C giao đất trên thực địa để bố trí cho hộ gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng đường Hồ Chí Minh, UBND huyện đã phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực C. Trong đó có gia đình ông Nguyễn Trung H và bà Hồ Thị T được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền 283.212.835 đồng và cấp đất tái định cư cho gia đình bà T, ông H năm 2017.

Bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã S yêu cầu cấp đất tái định cư cho bà H do giải phóng mặt bằng chợ C.

Ngày 03/01/2019, Chủ tịch UBND xã S ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thu H về việc đề nghị UBND xã S cấp đất ở theo diện Giải phóng mặt bằng khu vực C thôn 1 C.

Không đồng ý với nội dung nêu trên, bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1383/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần hai không công nhận nội dung khiếu nại của bà Trần Thu H về việc đề nghị cấp đất ở tái định cư khi giải phóng mặt bằng tại khu vực C.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện B, bà khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1383/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện B và xem xét giải quyết việc cấp đất trái pháp luật cho bà T để cấp đất tái định cư cho gia đình bà.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B tại Công văn số 2001/UBND ngày 10/12/2020 có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện B đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Về nội dung: Trước năm 2000, bà Trần Thu H kinh doanh tại chợ X; năm 2000 chợ X được xây dựng nâng cấp, đến năm 2001 hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong thời gian xây dựng chợ X, UBND xã S (nay là UBND thị trấn P) đã tạm di dời chợ đến khu vực C để làm nơi họp tạm chợ cho đến khi chợ X xây dựng xong thì các hộ kinh doanh phải chuyển về lại chợ X để trả lại mặt bằng khu vực C cho UBND xã. Tại khu vực C, bà H có dựng một cái quán tạm, sau khi chợ X được nâng cấp hoàn thành đi vào hoạt động thì bà Trần Thu H chuyển về lại chợ X, riêng cái quán tạm thì bà H viết giấy tay bán lại cho bà Hồ Thị T (vợ ông Nguyễn Trung H) vào ngày 26/9/2003; trong quá trình sử dụng hơn 10 năm, bà Hồ Thị T có coi nơi xây dựng thêm các công trình để phục vụ sinh hoạt và bán hàng.

Tại khu vực C, năm 2001, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 27/6/2001 phê duyệt kế hoạch, quy hoạch chi tiết phân lô đất ở tại khu vực C để xây dựng khu tái định cư bố trí cho các hộ gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở kết quả kiểm kê của Hội đồng giải phóng mặt bằng thì có 10 hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Trung H và bà Hồ Thị T đang trực tiếp sử dụng tài sản trên đất. Ngày 08/11/2013 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4083/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực C, xã S, huyện B, theo Quyết định này thì 10 hộ gia đình được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, không bồi thường về đất. Trong đó, hộ gia đình ông H, bà T được bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền 283.212.835 đồng.

Mặt khác, năm 2005, để triển khai thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư H - P, xã S (khu B) đã được UBND tỉnh phê duyệt vào năm 2004, UBND huyện đã tiến hành thu hồi đất của một số hộ gia đình tại xã S, trong đó có hộ gia đình ông Trần Văn H (là cha đẻ của bà Trần Thu H) ở thôn H, xã S. Sau khi thu hồi đất của các hộ gia đình, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh phê duyệt mức bồi thường và được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 18/5/2005 về việc phê duyệt mức bồi thường thiệt hại do giải phóng mặt bằng để xây dựng khu tái định cư H, P, xã S (Khu B). Theo Quyết định này thì hộ gia đình ông Trần Văn H được bồi thường về đất và tài sản trên đất với số tiền 109.369.100 đồng và ông Trần Văn H đã nhận tiền vào ngày 24/9/2005.

Năm 2008, sau khi nhận đơn xin giao đất của các hộ gia đình thuộc diện giải toả để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn H, P, ngày 02/5/2008 UBND xã S đã họp Hội đồng tư vấn xét đề nghị giao đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 14 hộ gia đình, trong đó ông Trần Văn H và bà Trần Thị Thu H. Sau khi họp xét, UBND xã thực hiện các thủ tục đề nghị giao đất theo quy định. Ngày 12/8/2008, UBND huyện đã có Quyết định số 4576/QĐ-UBND về việc giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, trong đó ông Trần Văn H được giao đất ở tại thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 20, diện tích 377,5 m² và bà Trần Thu H được giao đất ở tại thửa đất số 1134, tờ bản đồ số 20, diện tích 300 m². Hiện nay, bà H đã sử dụng đất xây dựng nhà ở ổn định. Như vậy, xét về nhu cầu đất ở thì bà H đã được giao đất để làm nhà ở nên căn cứ quy định tại điểm g và điểm h, khoản 2 Điều 118 Luật đất đai 2013 thì bà H không đủ điều kiện để được xét giao đất ở. Do đó, việc bà H đề nghị được giao đất tại khu vực C, thị trấn P là không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thu H là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn Trung H, bà Hồ Thị T có ý kiến như sau:

Năm 2003, gia đình bà mua lại một quán tạm của bà H ở khu vực C. Một thời gian sử dụng quán bị hư hỏng nên gia đình bà sửa chữa, xây dựng lại toàn bộ. Năm 2013, UBND xã giải phóng mặt bằng khu vực C để cấp cho bốn hộ thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng đường Hồ Chí Minh và đã đền bù tài sản trên đất cho ông bà. Năm 2014, UBND xã bán đất ở vùng L (C) nên gia đình ông bà mua một lô với giá 178.000.000 đồng.

UBND thị trấn P trình bày đất cấp cho bà T thuộc diện giải phóng mặt bằng để giao đất cho bốn hộ trước đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Do bà T chưa có đất ở nên được cấp đất có thu tiền sử dụng đất. Bà T được đền bù tài sản trên đất, không được đền bù về đất.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Điều 79, Điều 100 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu H về huỷ Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thu H.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bà Trần Thu H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà H các khoản bồi thường về thiệt hại tài sản ở chợ X khi thu hồi và tài sản tạo lập ở chợ tạm C, còn nội dung khác thì bà H sẽ trình bày. Bà H thừa nhận đất đai khởi kiện bà không có giấy tờ gì, là công thổ quốc gia và bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của bà H không có cơ sở và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kiện không có cơ sở vì yêu cầu bồi thường thiệt hại này khi khởi kiện bà H không có yêu cầu gì, cấp sơ thẩm không xem xét là đúng, nay yêu cầu là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của bà Trần Thu H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo, bà Trần Thu H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà là huỷ Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình.

[2]. Xét nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2020, bà Trần Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết hai vấn đề: yêu cầu huỷ quyết định 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B và yêu cầu xem xét lại việc cấp đất cho bà Hồ Thị T. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút yêu cầu xem xét việc cấp đất cho bà Hồ Thị T, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu xem xét huỷ Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[3]. Nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu H về việc huỷ quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[4]. Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1383/QĐ-UBND ngày 31/3/2020: Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND xã S (nay là UBND thị trấn P), bà H khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật khiếu nại.

Sau khi nhận được khiếu nại của bà H, Chủ tịch UBND huyện B đã chỉ đạo tiến hành thụ lý đơn, thẩm tra, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức đối thoại với bà H và các cá nhân liên quan. Căn cứ vào các tài liệu do các cơ quan, đơn vị và cá nhân cung cấp; kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả đối thoại với người khiếu nại; các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1383/QĐ-CT đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 33, 34, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại.

[5]. Về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B.

Quá trình khiếu nại và giải quyết vụ án này, bà Trần Thu H cho rằng, bà thuộc đối tượng được cấp đất tái định cư do thu hồi đất ở khu vực C để giao cho bốn gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng đường Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về nguồn gốc đất ở khu vực C, ngay trong đơn khởi kiện bà Trần Thu H đã thừa nhận: “Năm 2000, xã S xây dựng, nâng cấp chợ nên chuyển 10 hộ chúng tôi về chợ tạm C, giao cho chúng tôi mỗi hộ một lô đất để làm quán kinh doanh. Tôi đã nhận đất, làm quán và kinh doanh tại chợ C....năm 2003, tôi nhượng lại quán cho bà T nhưng không nhượng lại đất, đất vẫn thuộc quyền sử dụng của tôi.” Mặt khác, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Năm 2000, do yêu cầu của việc xây dựng, nâng cấp chợ X nên UBND xã S tạm thời di dời chợ đến họp tại khu vực C, khi chợ X được xây dựng xong, UBND xã đã chuyển chợ về họp tại chợ X thì các hộ kinh doanh phải chuyển về lại chợ X để trả lại mặt bằng cho UBND xã. Tại khu vực chợ tạm C bà Trần Thu H có dựng quán tạm để kinh doanh, sau khi chợ X hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động thì bà H chuyển về lại chợ X, còn quán tạm bà H bán lại cho bà Hồ Thị T (vợ ông Nguyễn Trung H) Giấy chuyển nhượng quán, viết tay, bản phô tô - Bút lục 35, đã được vợ chồng ông H bà T thừa nhận nội dung chuyển nhượng này - BL 154). Như vậy, về nguồn gốc đất mà bà H đang khiếu kiện tại khu vực C là do UBND xã Nhơn Trạch bố trí cho các hộ kinh doanh trong đó có bà H kinh doanh trong thời gian xây dựng, nâng cấp chợ X, từ năm 2000; tài sản trên đất này (quán kinh doanh) thì bà H đã chuyển nhượng cho bà T vào ngày 26/9/2003. Từ 2003, bà H không sử dụng đất này và quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đang khiếu nại này, tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bà H thừa nhận bà không có giấy tờ gì chứng minh bà là người sử dụng đất hợp pháp theo quy định, đất là công thổ quốc gia. Trong khi đó tại khu vực C, năm 2001 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 27/6/2001 phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô đất ở tại khu vực C để xây dựng khu tái định cư bố trí cho các hộ gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng đường Hồ Chí Minh. UBND huyện đã giao đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bốn hộ gia đình thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng đường Hồ Chí Minh. Do bà H không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không sử dụng đất tại khu vực C kể từ thời điểm chuyển về chợ mới X, tài sản trên đất đã chuyển nhượng cho người khác. Đối chiếu quy định tại Điều 79 Luật đất đai, khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì bà H không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư khi nhà nước giải phóng khu vực C để giao cho các hộ đã có quyết định cấp đất từ năm 2003. Do đó, Chủ tịch UBND xã S và Chủ tịch UBND

huyện B không chấp nhận khiếu nại của bà H yêu cầu cấp đất tái định cư khi giải phóng đất ở C là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Về ý kiến của Luật sư - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho người khởi kiện khoản yêu cầu bồi thường về tài sản tại chợ X và tài sản tạo dựng ở chợ tạm C, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, như trên đã phân tích, trong vụ án này người khởi kiện chỉ yêu cầu Toà án giải quyết huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B, không có yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường, do đó Toà án cấp sơ thẩm không xem xét. Nay có yêu cầu ở cấp phúc thẩm là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Toà án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét, không chấp nhận yêu cầu này như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu H là có căn cứ và đúng pháp luật; nội dung kháng cáo của bà Trần Thu H không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thu H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Điều 79, Điều 100 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu H về huỷ Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thu H.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Bà Trần Thu H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001740 ngày 24/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường